

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2021

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Năm

2/ Ông Nguyễn Hồng Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2021/TLST-HNGĐ, ngày 16/4/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 11/5/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu V**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 7, xã TB, huyện BL, tỉnh Long An

* Bị đơn: Ông **Trần Quan D**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp 4, xã TT, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà Nguyễn Thị Thu V có đơn xin vắng mặt. Ông Trần Quan D vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà và ông D tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện BL, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông D hay nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình. Đến năm 2019, ông D về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân cho đến nay. Do không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà và ông D có 02 con chung tên Trần Quan T, sinh ngày 17/8/2007 và Trần Thị Như Q, sinh ngày 25/02/2015 đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu

cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà Đang làm công nhân thu nhập mỗi tháng khoảng hơn 7.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Quan D trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà V, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do ông D vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thu V nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quan D. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông D vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Ông Trần Quan D vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà V. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà V xác định như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông D tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện BL, tỉnh Long An. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà V và ông D là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình. Bà V xác định không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này, nên yêu cầu được ly hôn với ông D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân của bà V và ông D là hôn nhân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hôn nhân hạnh phúc dựa trên nền tảng của sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, cảm thông và chia sẻ. Bà V kiên quyết xin ly hôn với ông D vì không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này. Ông D không đưa ra

được bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn cuộc hôn nhân và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án thể hiện ông không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn trong hôn nhân giữa 2 bên là trầm trọng, yêu cầu xin ly hôn của bà V có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung:

Khi ly hôn, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Quan T, sinh ngày 17/8/2007 và Trần Thị Như Q, sinh ngày 25/02/2015. Xét thấy, bà V không vi phạm quy định nào về hạn chế quyền nuôi con. Bà V làm công nhân có thu nhập để nuôi các con chung. Cháu Trần Quan T có nguyện vọng sống chung với bà V và hiện nay hai cháu được bà V nuôi dưỡng, nên yêu cầu của bà V là có căn cứ chấp nhận. Về phần cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu nên ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông D không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về nợ chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, không có ai khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nợ chung của vợ chồng bà V và ông D, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung: Bà V xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông D vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về tài sản chung giữa ông và bà V, nên Tòa án không xem xét. Sau này, các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà V là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V về việc ly hôn đối với ông Trần Quan D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu V được ly hôn với ông Trần Quan D.

2/ Về con chung:

Giao 02 con chung tên Trần Quan T, sinh ngày 17/8/2007 và Trần Thị Như Q, sinh ngày 25/02/2015 cho bà Nguyễn Thị Thu V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Trần Quan D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Thu V không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông Trần Quan D được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007790, ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Thu V không phải nộp thêm.

Ông Trần Quan D không phải chịu án phí.

4/ Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THA huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã TB, huyện BL;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Năm – Nguyễn Hồng Phong

Lê Thị Mỹ Phượng